

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH K**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/DSST

Ngày: 11-7-2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH K**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Huy

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C - tỉnh K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án thụ lý số: 124/2022/TLST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Lữ Ngọc T, sinh năm: 1996

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường N, thành phố C, tỉnh K. (Có mặt)

* *Bị đơn:* - Ông Hoàng Thanh T, sinh năm: 1984

Nơi cư trú: Tổ dân phố P, phường T, thành phố C, tỉnh K.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Ana, xã Dray, huyện Krông, tỉnh D. (Vắng mặt)

- Bà Phạm Quỳnh N, sinh năm: 1992

Nơi cư trú: Tổ dân phố P, phường T, thành phố C, tỉnh K. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện Tòa án nhận ngày 18/5/2022, bản tự khai ngày 16/6/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lữ Ngọc T trình bày:

Ngày 16/01/2021, ông Hoàng Thanh T cùng vợ là bà Phạm Quỳnh N vay của ông 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm, không thể hiện lãi suất vay. Ông T2, bà N, ông T1 cùng ký tên trong giấy mượn tiền.

Ngày 25/7/2021, ông Hoàng Thanh T tiếp tục vay của ông 60.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng, không thể hiện lãi suất vay. Ông T2, ông T1 cùng ký tên trong giấy mượn tiền.

Ngày 15/8/2021, ông Hoàng Thanh T tiếp tục vay của ông 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 04 tháng, không thể hiện lãi suất vay. Ông T2, ông T1 cùng ký tên trong giấy mượn tiền.

Tổng cộng, ông T2 bà N vay 210.000.000 đồng trong 3 giấy vay. Đến khoảng tháng 10/2021, ông T2 trả trước 20.000.000 đồng cho khoản vay ngày 25/7/2021, còn nợ lại 190.000.000 đồng. Kể từ đó đến nay ông T1 đã nhiều lần yêu cầu ông T2, bà N trả số tiền còn nợ nhưng ông T2, bà N cố tình trốn tránh không trả nợ.

Ông T1 yêu cầu Tòa án buộc ông T2, bà N phải trả cho ông 190.000.000 đồng, trong đó ông T2 phải trả 140.000.000 đồng, bà N phải trả 50.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi.

Tại bản tự khai ngày 29/6/2022, bị đơn ông Hoàng Thanh T trình bày:

Ông thừa nhận có vay của ông T1 3 lần với tổng số tiền 210.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Cụ thể:

Lần 1 ngày 16/01/2021, ông T2 vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất thỏa thuận miệng 6%/tháng, ông T2 trả được 7 tháng, mỗi tháng trả 6.000.000 đồng.

Lần 2 ngày 25/7/2021, ông T2 vay 60.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng 8%/tháng. Khoản vay này ông T2 có trả lãi 1 tháng là 4.800.000 đồng và trả lãi 1 tháng của khoản vay ngày 16/01/2021 là 6.000.000 đồng, tổng cộng trả 10.800.000 đồng.

Vì lãi cao, không trả được nữa nên ngày 15/8/2021, ông T1 yêu cầu ông T2 viết giấy vay ông T1 50.000.000 đồng, thời hạn vay 04 tháng, số tiền vay này ông T1 khấu trừ từ lãi cho 2 khoản vay trước, ông T2 không nhận tiền mặt. Sau đó ông T2 đã trả trước 20.000.000 đồng.

Nay ông T1 yêu cầu vợ chồng ông T2 trả 190.000.000 đồng thì ông T2 cho rằng, vợ ông đồng ý trả $\frac{1}{2}$ khoản vay ngày 16/01/2021, ông chỉ trả 140.000.000 đồng, tuy nhiên ông ký giấy vay lần 3 vào ngày 15/8/2021 là do ông T1 trừ tiền lãi vay lần 1 và lần 2 nên ông đề nghị tiền lãi đã trả cho 2 khoản vay ngày 16/01/2021 và ngày 25/7/2021 là 52.800.000 đồng trừ vào số tiền gốc, như vậy ông chỉ còn nợ 87.200.000 đồng. Do kinh tế khó khăn, ông yêu cầu trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại bản tự khai ngày 15/6/2022 và tại phiên tòa, bị đơn bà Phạm Quỳnh N trình bày:

Ngày 16/01/2021, bà và ông T2 vay ông T1 100.000.000 đồng và có trách nhiệm trả số tiền trên. Tuy nhiên việc ông T2 chồng bà vay tiền ông T1 ngày 25/7/2021 và 15/8/2021 không được sự đồng ý của bà nên bà không có trách nhiệm trả. Bà chỉ đồng ý trả $\frac{1}{2}$ số tiền vay ngày 16/01/2021 vì bà có ký vay. Hiện nay bà và ông T2 không còn chung sống với nhau, một mình bà phải nuôi con nhỏ, nên không thể trả một lần, bà đồng ý trả mỗi tháng 2.000.000 đồng trên tổng số 50.000.000 đồng kể từ ngày 12/8/2022 cho đến khi hết nợ.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn Phạm Quỳnh N đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo

quy định của pháp luật. Bị đơn Hoàng Thanh T chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 316, Điều 317, Điều 320 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; Điều 470 Bộ luật dân sự 2015. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Hoàng Thanh T, bà Phạm Quỳnh N phải có nghĩa vụ trả 100.000.000 đồng của khoản vay ngày 16/01/2021, cụ thể bà N phải trả cho ông T1 50.000.000 đồng, mỗi tháng bà N trả 2.000.000 đồng kể từ tháng 8/2022 cho đến khi hết nợ, ông T2 trả 50.000.000 đồng còn lại. Ông T2 còn phải trả 90.000.000 đồng của 02 khoản vay ngày 25/7/2021, ngày 15/8/2021 còn lại cho ông Lữ Ngọc T. Đối với lãi suất, nguyên đơn không yêu cầu nên không xét. Ông Hoàng Thanh T, bà Phạm Quỳnh N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo thủ tục rút gọn theo khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn lại cho ông Lữ Ngọc T tiền tạm ứng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Lữ Ngọc T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hoàng Thanh T, bà Phạm Quỳnh N trả nợ do vi phạm hợp đồng vay tài sản. Yêu cầu của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ tranh chấp: Ông T1 yêu cầu ông T2, bà N phải trả tiền vay nên Hội đồng xét xử xác định tranh chấp trong giao dịch dân sự giữa ông T1 và ông T2, bà N là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án: Xét thấy vụ án có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, các đương sự có nơi cư trú ổn định. Tài liệu chứng cứ đầy đủ đảm bảo cho việc giải quyết vụ án và Tòa án không phải thu thập tài liệu, chứng cứ nên Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn là có căn cứ.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông Hoàng Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 320 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Căn cứ vào 03 giấy vay tiền lập ngày 16/01/2021, ngày 25/7/2021 và ngày 15/8/2021 do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định: Nguyên đơn có cho bị đơn vay tổng cộng 210.000.000 đồng, giấy vay tiền thể hiện thời hạn vay, có chữ ký chữ viết của bị đơn nhưng không thể hiện lãi. Ông T2 có trả cho ông T1 20.000.000 đồng tiền

gốc, còn lại 190.000.000 đồng.

Do bị đơn chậm thanh toán nên nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả tiền nhưng bị đơn không trả tiền là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Xét thấy việc bị đơn không có thiện chí trả nợ đã làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó việc nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn phải trả 190.000.000 đồng, trong đó ông T2 phải trả 140.000.000 đồng, bà N phải trả 50.000.000 đồng cho nguyên đơn là có căn cứ theo Điều 280; Điều 463; Điều 466; Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[2.2] Việc ông T2 cho rằng ông T1 cần trừ lãi của 02 giấy vay trước chuyển thành gốc cho giấy vay ngày 15/8/2021 và việc ông đã trả lãi 52.800.000 đồng cho 02 giấy vay trước để cần trừ vào số tiền gốc còn nợ 140.000.000 đồng là không có căn cứ nên không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với yêu cầu của bà Phạm Quỳnh N: Bà N thừa nhận bà và ông T2 có vay 100.000.000 đồng vào ngày 16/01/2021. Bà đồng ý trả $\frac{1}{2}$ số tiền vay ngày 16/01/2021. Tuy nhiên bà yêu cầu trả mỗi tháng 2.000.000 đồng trên tổng số 50.000.000 đồng kể từ ngày 12/8/2022 cho đến khi hết nợ. Tòa án đã tiến hành hòa giải và được nguyên đơn đồng ý nên công nhận.

Đối với 01 Sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ ông T2, 01 Sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ bà N, 01 Giấy phép lái xe công an nhân dân mang tên ông T2, 01 Giấy chứng chỉ bồi dưỡng nâng cao kỹ năng lái xe ô tô an toàn trong CAND, 01 Bằng tốt nghiệp sơ cấp lý luận chính trị. Hội đồng xét xử xét thấy, việc ông T2 thế chấp cho ông T1 giấy các giấy tờ trên để đảm bảo việc thực hiện hợp đồng vay và việc thế chấp này không theo quy định của pháp luật về thế chấp để đảm bảo khoản vay. Do đó, ông T1 có nghĩa vụ trả lại cho ông T2 các giấy tờ trên.

[2.3] Về lãi suất, nguyên đơn không yêu cầu lãi suất nên không xét.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 320 và Điều 321 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 463, Điều 466, Khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lữ Ngọc T.

1/ Buộc ông Hoàng Thanh T phải có nghĩa vụ trả cho ông Lữ Ngọc T 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

2/ Buộc bà Phạm Quỳnh N phải có nghĩa vụ trả cho ông Lữ Ngọc T 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) còn lại. Về phương án trả nợ, bà N và ông

T1 thỏa thuận như sau:

- Mỗi tháng bà N trả 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ ngày 12/8/2022 cho đến khi hết nợ.

3/ Về án phí: Ông Hoàng Thanh T phải nộp 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Quỳnh N phải nộp 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Lữ Ngọc T 2.375.000 đồng (Hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0007088 ngày 26/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

4/ *Quy định*: Kể từ ngày ông Lữ Ngọc T có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Hoàng Thanh T và bà Phạm Quỳnh N chưa thi hành xong khoản tiền phải trả cho ông Lữ Ngọc T. Hàng tháng, ông Hoàng Thanh T và bà Phạm Quỳnh N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông Lữ Ngọc T, bà Phạm Quỳnh N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ông Hoàng Thanh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K
- VKSND thành phố C
- Chi cục THADS thành phố C
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Huy